

Số: 06 /QĐ-UBND

Hoài Xuân, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu Dự toán ngân sách năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng
dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/12/2023, kỳ họp thứ 7 của HĐND
phường khóa XIII về việc phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2024;*

Theo đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024
(theo các biểu đính kèm: Biểu số 108/CK TC-NSNN; 109/CK TC-NSNN; 110/CK TC-
NSNN; 111/CK TC-NSNN; 112/CKTC-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, công chức Tài chính – Kế toán
phường tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- UBND thị xã;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Đảng ủy phường;
- Các đoàn thể ở phường;
- Các khu phố trong phường
- Lưu VT, TCKT; NVP, (18b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Kim Vận

BIÊN BẢN

Niên yết công khai Dự toán ngân sách năm 2024 phường Hoài Xuân.

Thực hiện công khai theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND phường Hoài Xuân về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 phường Hoài Xuân

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 01 năm 2024.

Tại: Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Hoài Xuân, thực hiện công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của phường Hoài Xuân, cụ thể như sau:

I. Thành phần gồm có:

Ông: Lê Kim Vân

Chủ tịch UBND phường;

Ông: Nguyễn Văn Phở

Công chức Tài chính- kế toán phường;

Bà: Phan Thị Hồng Linh

Phó chủ tịch HĐND phường;

1. Nội dung công khai:

- Tổng thu ngân sách năm 2024: 18.000.000.000 đồng

- Tổng chi ngân sách năm 2024: 18.000.000.000 đồng

(Chi tiết kèm theo biểu số 108/CK TC-NSNN, 109/CK TC-NSNN, 110/CK TC-NSNN, 111/CK TC-NSNN, 112/CK TC-NSNN và Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 phường Hoài Xuân).

2. Thời gian công khai, tiếp nhận ý kiến, phản ánh kiến nghị.

- Thời gian niêm yết công khai kể từ ngày: 03/01/2024 đến 03/3/2024 ;

- Tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị: trực tiếp Chủ tịch UBND phường hoặc cán bộ Tài chính – Kế toán phường Hoài Xuân.

3. Địa điểm công khai:

- Nhà văn hóa 08 khu phố.

- Trụ sở UBND phường Hoài Xuân.

- Trang thông tin điện tử phường

Việc công khai được lập thành biên bản vào lúc: 09 giờ 30, ngày: 03/01/2024.

Sau khi đã niêm yết Quyết định và các biểu mẫu tại các địa điểm trên. Hộ gia đình, cá nhân có ý kiến xin phản hồi về Chủ tịch UBND phường hoặc Tài chính – kế toán phường Hoài Xuân để có giải đáp theo quy định./.

Người ghi biên bản



Nguyễn Văn Phở

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Kim Vận

Các thành phần tham dự



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀI XUÂN



Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1.000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	18.000.000	TỔNG SỐ CHI	18.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.370.000	I. Chi đầu tư phát triển	11.250.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	7.423.000	II. Chi thường xuyên	6.400.000
III. Thu bổ sung	6.864.000	III. Dự phòng	350.000
- Bổ sung cân đối	4.178.000		
- Bổ sung có mục tiêu	2.686.000		
IV. Thu chuyển nguồn	2.343.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân ch
theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀI XUÂN

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đvt: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU		18.000.000
I	Các khoản thu 100%		1.370.000
	Phí, lệ phí		25.000
	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		800.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		45.000
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		200.000
	Thu khác		300.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		7.423.000
1	Các khoản thu phân chia		7.278.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		30.000
	- Tiền cấp quyền sử dụng đất		7.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		18.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		230.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		145.000
	+Thuế VAT, TNDN		145.000
III	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		2.343.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		6.864.000
	- Bổ sung cân đối		4.178.000
	- Bổ sung có mục tiêu		2.686.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀI XUÂN

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đvt: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	18.000.000	11.250.000	6.750.000
	Trong đó			
1	Chi đầu tư phát triển	11.250.000	11.250.000	
2	Chi giáo dục	84.000		84.000
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
4	Chi y tế	0		
5	Chi văn hóa, thông tin, Đời sống VH khu dân cư, xây dựng NTM, đô thị văn minh	116.000		116.000
6	Chi phát thanh, truyền thanh	34.000		34.000
7	Chi thể dục thể thao	34.000		34.000
8	Chi bảo vệ môi trường	45.000		45.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	300.000		300.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.	5.132.000		5.132.000
11	Chi cho công tác xã hội	150.000		150.000
12	Chi dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	477.000		477.000
13	Chi khác	28.000		28.000
14	Dự phòng ngân sách	350.000		350.000



Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1.000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã Thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		73.274.721	0	66.362.426	54.060.012	11.250.000	11.250.000	11.250.000	0
1. Công trình chuyển tiếp									0
Trụ sở làm việc UBND xã Hoài Xuân	2017-2018	73.274.721	0	66.362.426	54.060.012	11.250.000	11.250.000	11.250.000	0
Trạm bơm và bê tông kênh mương chính trạm bơm Song Khánh	2017-2018	10.395.088		9.590.231	9.517.620	72.611	72.611	72.611	
Chợ xã Hoài Xuân	2017-2018	7.552.821		6.258.963	6.171.307	87.656	87.656	87.656	
Sân vận động xã Hoài Xuân	2018-2018	3.608.733		3.453.579	3.398.105	55.474	55.474	55.474	
	2018-2019	4.388.890		3.968.531	3.697.246	271.285	271.285	271.285	
Hoa viên nút giao thông xã Hoài Xuân	2019-2020	569.625		519.888	438.606	75.313	75.313	75.313	
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trước Nghĩa trang Liệt sỹ. Hạng mục: Gia cố mái taluy, hệ thống thoát nước và vỉa hè	2020-2021	1.140.289		1.055.327	993.286	50.000	50.000	50.000	
Trường Mẫu giáo Hoài Xuân, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	2020-2022	7.221.614		6.739.860	6.075.680	491.752	491.752	491.752	
Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự phường Hoài Xuân									
Kiến cổ hóa kênh sau nhà Yên đến ruộng Lê; kênh lộ 3 vùng san ủi đến lộ 4 vùng san ủi; kênh từ cống nhà Thành đến nhà Thụ; kênh từ bãi cát Some Khánh đến	2021-2022	2.223.541		2.052.100	1.962.100	90.000	90.000	90.000	
Kiến cổ hóa kênh N3 từ ngã tư chia nước đến giáp Chùa; kênh trước Chùa đến giáp Đồng Quang	2021-2021	754.957		651.631	612.805	29.776	29.776	29.776	
	2021-2021	907.784		759.713	714.637	34.093	34.093	34.093	
Kiến cổ hóa kênh nhà Phúc đến ngã tư Bàu vùng; kênh ngổ Lê Văn Xuân đến ngã ba lộ 2+3; kênh từ ruộng Vinh đến ruộng Diêu; kênh cây dưới đến mương tiêu	2021-2021	471.617		406.449	380.691	20.110	20.110	20.110	
Kiến cổ hóa kênh từ Bàu diện cũ đến đường cạnh tranh nông nghiệp	2021-2021	486.594		424.481	398.024	20.500	20.500	20.500	

Nâng cấp, mở rộng đường bờ vùng từ đường bê tông dưới nhà Quý đến nương Bút (Hòa Trùng 1): từ nhà Trãi đến Thôn Ngổ (Hòa Trùng 2); từ Bàn Cờ đến Bút Khu dân cư phường Hoài Xuân. Hạng mục: Khu dân cư khu phố Vĩnh Phụng 1, khu phố Vĩnh Phụng 2, khu phố Hòa Trùng 1, khu phố Thái Lai	2021-2021	216.759		195.473	185.473	10.000	10.000	10.000	
Nghĩa trang Liệt sỹ phường Hoài Xuân. Hạng mục: Sửa chữa mộ	2021-2021	1.256.327		1.037.284	1.012.284	25.000	25.000	25.000	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu Rốc chơ-Vĩnh Phụng 2)	2022-2022	3.438.751		3.020.945	2.860.783	160.162	160.162	160.162	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu Cây xăng-Vĩnh Phụng 2)	2022-2022	2.173.656		2.111.569	2.055.067	56.502	56.502	56.502	
Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Lương Định Của, phường Hoài Xuân, dài 1.348m	2022-2022	386.337		365.265	254.796	110.469	110.469	110.469	
Trường Mẫu giáo Hoài Xuân. Hạng mục: Nhà bếp và sân nền	2022-2022	970.748		846.900	622.152	224.748	224.748	224.748	
Thăm nhạ đường Lương Định Của, phường Hoài Xuân	2022-2022	971.591		883.033	843.033	40.000	40.000	40.000	
Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Y Lan (đoạn từ ngã ba chợ Gôm đến giáp phường Hoài Thanh), dài 703m	2022-2022	2.862.234		2.521.066	2.379.368	141.698	141.698	141.698	
Nâng cấp, cải tạo nghĩa địa Hố Me	2022-2022	723.424		679.690	511.767	167.923	167.923	167.923	
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bờ vùng từ ngõ Số đến giáp đất SX (Song Khánh); từ mẫu necro đến chòi Bờ ba củ (Vĩnh Phụng 2); trước nhà Xuân đến đường cạnh Tuyến đường từ nhà Thi đến nhà Bình (Thuận Thuận 1), dài 242m; Tuyến đường từ nhà Thủy đến nhà Đoan (Song Khánh), dài 322m	2022-2022	280.763		261.321	232.830	28.491	28.491	28.491	
Tuyến đường từ nhà Thi đến nhà Hùng đến giáp ngã ba (Song Khánh), dài 230m; Tuyến đường từ nhà Ai đến mương dài (Hòa Trùng 2), dài 355m; Tuyến đường từ Tuyến đường từ nhà Tâm đến nhà Bình (Hòa Trùng 1), dài 373m; Tuyến đường từ nhà Càng đến nhà Dầy (Hòa Trùng 1), dài 258m	2022-2023	358.934		339.664	284.270	55.394	55.394	55.394	
Tuyến đường từ đường liên phường đến nhà Kia (Hòa Trùng 2), dài 340m; Tuyến đường từ nhà Dưng đến nhà Đổng (Hòa Trùng 1), dài 247m	2022-2023	590.706		419.060	358.732	60.328	60.328	60.328	
Tuyến đường từ nhà Chín đến Sông cạn (Thuận Thuận 1), dài 173m; Tuyến đường từ nhà Tỉnh đến HTX nông nghiệp (Thái Lai), dài 245m; Tuyến đường từ Tuyến đường từ quán Hoàng đến nhà Thành đến giáp Nghĩa địa đường quang (Thái Lai), dài 563m	2022-2023	791.332		573.441	490.394	83.047	83.047	83.047	
Trụ sở làm việc UBND phường Hoài Xuân. Hạng mục: Nhà để xe, mái che nhà một cửa	2022-2023	727.928		533.483	459.281	74.202	74.202	74.202	
Kiến trúc tuyến kênh từ kênh N2A đến vùng rào Quán (Thuận Thuận 2); kênh N2A đến nhà Hát (Thuận Thuận 2); nhà Minh đến trước Miếu Song Khánh (Song Khánh); kênh có tuyến kênh từ phải lấy nước trước nhà Xuân đến bờ lô đồng đình (Thái Lai); kênh nhia bắc đường cạnh tranh nông nghiệp đến gần mương rút (Thái Lai);	2022-2023	604.669		462.105	395.951	66.154	66.154	66.154	
Kiến trúc tuyến kênh từ bờ vùng nhà Thăng đến ruộng Vàng (Thái Lai)	2022-2023	779.371		557.276	475.674	81.602	81.602	81.602	
Kiến trúc tuyến kênh từ ruộng Nền đến ruộng Liệt (Vĩnh Phụng 1); ruộng Thê đến ruộng bờ vùng số 4 (Vĩnh Phụng 1); bờ vùng nhà Ngõ đến mương rút Bàu âm	2022-2023	578.279		406.106	346.650	59.456	59.456	59.456	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu phố Vĩnh Phụng 1)	2023-2023	116.079		110.517	70.237	40.280	40.280	40.280	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu phố Song Khánh)	2023-2023	649.592		553.907	200.000	354.907	354.907	354.907	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu phố Vĩnh Phụng 2)	2023-2023	743.564		628.061	400.000	229.061	229.061	229.061	
Thăm nhạ mặt đường bê tông B=3m phường Hoài Xuân năm 2023	2023-2023	604.825		504.613	318.424	187.189	187.189	187.189	
Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông tại nút giao đường Trường Chinh – Lê Đình Chinh, phường Hoài Xuân	2023-2023	719.835		610.531	380.000	231.531	231.531	231.531	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu phố Vĩnh Phụng 1)	2023-2023	1.245.985		1.245.985	501.932	640.038	640.038	640.038	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu phố Song Khánh)	2023-2023	3.123.782		3.123.782	2.113.247	892.265	892.265	892.265	
Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng để xây dựng khu dân cư xã Hoài Xuân	2017-2019	434.618		434.618	134.689	299.929	299.929	299.929	
Thăm nhạ mặt đường bê tông B=3m phường Hoài Xuân năm 2023	2023-2023	3.636.913		3.636.913	1.000.000	2.229.597	2.229.597	2.229.597	
Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bờ vùng năm 2023	2023-2024	1.056.612		977.274	0	970.000	970.000	970.000	
	2023-2023	1.615.042		1.547.279	672.871	813.457	813.457	813.457	
	2023-2024	680.000		680.000	140.000	530.000	530.000	530.000	

[illegible]

HOẠI XUÂN
NHÂN DÂN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

ĐVT: 1.000 đồng

[illegible]

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi